

Số: **190** /UBND-KTTH

Hà Nội, ngày **19** tháng 01 năm 2023

V/v báo cáo tình hình quyết toán dự  
án hoàn thành sử dụng vốn đầu  
tư công năm 2022

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán. UBND thành phố Hà Nội báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công năm 2022 như sau:

**1. Tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trong năm báo cáo (chi tiết biểu đính kèm).**

**2. Tồn tại, vướng mắc về công tác quyết toán dự án hoàn thành:**

Trong năm 2022, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành nhiều văn bản để chỉ đạo, đôn đốc các chủ đầu tư tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán, đặc biệt quan tâm chỉ đạo xử lý dứt điểm số lượng các dự án hoàn thành còn tồn đọng chưa quyết toán; chỉ đạo tổ chức kiểm tra, hướng dẫn, nắm bắt các khó khăn, kiến nghị của chủ đầu tư để kịp thời tháo gỡ các vướng mắc trong công tác quyết toán, UBND Thành phố đã chỉ đạo Sở Tài chính tổ chức Hội nghị tập huấn Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ, Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính về thanh, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công cho UBND các quận, huyện, thị xã và các chủ đầu tư sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn Thành phố.

Công tác lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành trên toàn Thành phố cơ bản đảm bảo quy định, hầu hết các dự án đã tuân thủ đúng quy định về việc quyết toán dự án hoàn thành. Tuy nhiên, vẫn còn một số dự án vẫn còn chậm lập, nộp hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành do một số nguyên nhân chủ yếu như sau:

2.1. Về phía Chủ đầu tư:

- Trong quá trình triển khai dự án không kịp thời cập nhật, điều chỉnh dự án, thiết kế dự toán và hoàn thiện các nội dung phát sinh trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

- Quá trình triển khai dự án một số chủ đầu tư, dự án không thực hiện đúng quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng như: tuân thủ trình tự thực hiện, quản lý chi phí, đơn giá, định mức, nhất là các định mức đặc thù, định mức mới.

- Một số chủ đầu tư chưa thực sự quan tâm, quyết liệt trong tổ chức, chỉ đạo trong công tác quyết toán; chưa nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu, chưa thực hiện hết quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư theo quy định và các điều khoản đã cam kết theo hợp đồng với các nhà thầu.

## 2.2. Về phía các nhà thầu:

- Một số nhà thầu chưa quan tâm và chưa phối hợp với chủ đầu tư trong việc lập quyết toán A-B, không thực hiện lập và cung cấp hồ sơ theo quy định để thực hiện quyết toán dự án hoàn thành.

- Một số nhà thầu thay đổi bộ máy hoặc phá sản, không còn năng lực hoặc chuyển đổi mô hình sản xuất kinh doanh, không có cơ quan đầu mối để lập hồ sơ quyết toán.

- Một số đơn vị nhà thầu đã giải thể hoặc không phối hợp để giải quyết hồ sơ quyết toán, dẫn đến chây ỳ, kéo dài việc quyết toán, chủ đầu tư khó khăn trong việc lập hồ sơ quyết toán A-B.

## 2.3. Nguyên nhân khác:

- Dự án chuyển giao qua một số chủ đầu tư, công tác bàn giao, theo dõi, quản lý hồ sơ dự án không tốt dẫn đến thất lạc hồ sơ; dự án kéo dài, một số cán bộ trực tiếp tham gia dự án đã chuyển công tác, nghỉ việc... nên công tác lập hồ sơ quyết toán khó khăn, chậm.

- Một số chủ đầu tư, nhà thầu còn kiến nghị sau thanh tra, kiểm toán dẫn đến chủ đầu tư còn chậm lập hồ sơ quyết toán gửi cơ quan thẩm tra phê duyệt.

## 3. Đề xuất và kiến nghị về công tác quyết toán dự án hoàn thành:

Để nâng cao chất lượng công tác quyết toán dự án hoàn thành trên địa bàn Thành phố, UBND thành phố Hà Nội kiến nghị Bộ Tài chính:

- Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn, tập huấn công tác quyết toán dự án hoàn thành ở địa phương.

- Nghiên cứu, ban hành các giải pháp, chế tài xử lý vi phạm trong công tác quyết toán dự án hoàn thành quyết liệt hơn, đảm bảo tính răn đe.

- Nghiên cứu cơ chế kiểm soát chặt chẽ trong khâu thanh toán vốn để hạn chế việc giải ngân thanh toán vượt giá trị quyết toán được duyệt.

- Hướng dẫn quyết toán dự án trong một số trường hợp: không đủ hồ sơ quyết toán theo quy định (do mất, thất lạc hồ sơ); nhà thầu giải thể, không hợp tác khi quyết toán A-B.

Trên đây là báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn đầu tư công năm 2022 của UBND thành phố Hà Nội. Kính đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, tổng hợp theo quy định.

Trân trọng cảm ơn./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND Thành phố (để b/c);
- Các PCT UBND Thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP Đ. Q. Hùng, KTTH;
- Lưu: VT, KTTH<sub>Thái</sub>.

4



Hà Minh Hải



**TỔNG HỢP BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG DỰ ÁN HOÀN THÀNH NĂM 2022**  
(Kèm theo Văn bản số 190 ngày 15 tháng 01 năm 2023 của UBND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quy định								Vi phạm thời gian quy định							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số Dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của Dự án		Giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: ngân sách trung ương				Tổng số	Trong đó: ngân sách trung ương		Tổng số	Trong đó: ngân sách trung ương				Tổng số	Trong đó: ngân sách trung ương
1	2	3=4+12	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A	Tổng số dự án hoàn thành (I+II+III)	3.244	2.938	46.974,0		38.099	19.350,8	35.176,3	2.739,6		306	28.191		22.983	1.098,2	22.849,4	109	
I	Dự án đã được phê duyệt quyết toán (1+2)	1.984	1.885	22.861,1		19.534	19.350,8	17.949,4	1.401,5		99	1.379,9		1.090,0	1.098,2	1.063,4	34,8	
1	Dự án hoàn thành các năm trước	1.258	1.164	16.934,5		14.565,2	14.422,9	13.832,5	590,4		94	1.361,5		1.072,7	1.080,9	1.047,8	33,1	0
2	Dự án hoàn thành trong năm báo cáo	726	721	5.926,7		4.968,7	4.927,9	4.116,9	811,1		5	18,4		17,3	17,3	15,6	1,7	0
II	Dự án đã nộp hồ sơ quyết toán, chưa được phê duyệt quyết toán (1+2)	485	441	13.467,4		10.583,9		9.335,0	1.248,9		44	781,2		697,8		661,4	3,7	
	Phê duyệt (1.1+2.1)	0	0	0,0		0,0		0,0	0,0		0	0		0,0		0,0	0,0	
	Thẩm tra (1.2+2.2)	485	441	13.467,4		10.584		9.335	1.249		44	781		697,8	0	661	4	0
1	Dự án hoàn thành các năm trước	328	288	11.551,5		8.889		7.787	1.103		40	757,8		675,8		642,6	2,7	
1.1	Phê duyệt																	
1.2	Thẩm tra	352	312	11.551		8.889		7.787	1.103		40	758		676	0	643	3	0
2	Dự án hoàn thành trong năm báo cáo	157	153	1.916		1.695		1.548	146		4	23		22	0	19	1	0
2.1	Phê duyệt																	
2.2	Thẩm tra	157	153	1.916		1.695		1.548	146		4	23		22	0	19	1	0
III	Dự án đã hoàn thành, chưa nộp hồ sơ quyết toán (1+2)	775	612	10.645,4		7.981,1		7.891,9	89,2		163	26.029,9		21.195,1		21.124,6	70,6	0
1	Dự án hoàn thành các năm trước	530	391	6.238		4.610		4.555	55		139	24.736		20.166		20.119	47	0
2	Dự án hoàn thành trong năm báo cáo	245	221	4.407		3.371		3.337	35		24	1.294		1.030		1.006	24	0

STT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quy định							Vi phạm thời gian quy định								
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số Dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của Dự án		Giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: ngân sách trung ương				Tổng số	Trong đó: ngân sách trung ương		Tổng số	Trong đó: ngân sách trung ương				Tổng số	Trong đó: ngân sách trung ương
B	Dự án hoàn theo phân cấp quản lý (1+2+3)	3.244	2.938	46.974	38.099	19.350,8	35.176,3	2.739,6		306	28.191		22.983	1.098,2	22.849,4	109		
1	Dự án do cấp thành phố quản lý	217	143	19.174,4	14.390,4	6.416,9	13.571,1	762,8		74	24.281,9		19.610,6		19.560,9	49,8		
a	Phê duyệt	90	90	8.353,3	6.473,4	6.416,9	6.283,6	133,3		0	0		0		0	0		
b	Thẩm tra	36	36	8.524,7	6.549,1		5.974,1	575,0										
c	Chưa nộp hồ sơ quyết toán	91	17	2.296,3	1.367,9		1.313,4	54,5		74	24.281,9		19.610,6		19.560,9	49,8		
2	Dự án do cấp huyện quản lý	2.603	2.424	25.942,8	22.057,3	11.686,6	20.154,4	1.917,9		179	3.747,5		3.259,8	1.083,1	3.248,7	58,9		
a	Phê duyệt	1.582	1.517	13.184,0	11.806,0	11.686,6	10.526,0	1.209,2		65	1.261,1		1.000,5	1.083,1	1.048,3	34,8		
b	Thẩm tra	385	344	4.606,2	3.722,2	0,0	3.153,8	673,9		41	778,3		694,9	0,0	659,3	3,4		
c	Chưa nộp hồ sơ quyết toán	636	563	8.152,7	6.529,2	0,0	6.474,6	34,7		73	1.708,1		1.564,4	0,0	1.541,1	20,7		
3	Dự án do cấp xã quản lý	424	371	1.856,8	1.651,2	1.247,3	1.450,8	58,9		53	161,5		112,5	15,1	39,9	0,3		
a	Phê duyệt	312	278	1.323,6	1.254,5	1.247,3	1.139,8	58,9		34	118,7		89,5	15,1	15,1	0,0		
b	Thẩm tra	64	61	336,7	312,7	0,0	207,1	0,0		3	2,9		2,9	0,0	2,1	0,3		
c	Chưa nộp hồ sơ quyết toán	48	32	196,5	84,0	0,0	103,9	0,0		16	39,9		20,1	0,0	22,7	0,0		